

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

Số: 05 /2019/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định giá dịch vụ trông giữ xe và chế độ quản lý, sử dụng tiền thu từ dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ.*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2013/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định giá dịch vụ trông giữ xe và chế độ quản lý, sử dụng tiền thu từ dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh như sau:

“Điều 5. Giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách:

1. Áp dụng theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quyết định này.

## 2. Giá dịch vụ trông giữ xe:

### a) Giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy:

- Đối với các điểm trông giữ xe không phải đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, không phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:

Áp dụng theo đơn giá tại Phụ lục số 04.

- Đối với các điểm trông giữ xe tại các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại hiện đại (có trang bị hệ thống giám sát, trông giữ xe thông minh: camera theo dõi, kiểm tra phương tiện người gửi; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hóa đơn tự động,...):

Giao chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính xây dựng và quyết định mức giá dịch vụ nhưng tối đa không quá 1,5 lần so với mức giá tại Phụ lục số 04.

- Đối với các điểm trông giữ xe tại các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại; bãi đỗ xe có mái che; bãi đỗ xe phải đầu tư xây dựng hạ tầng, phải nộp tiền thuê đất khác:

Giao chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính xây dựng và quyết định mức giá dịch vụ nhưng tối đa không quá 1,2 lần so với mức giá tại Phụ lục số 04.

### b) Giá dịch vụ trông giữ xe ô tô:

- Đối với các điểm trông giữ xe không phải đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, không phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:

Áp dụng theo đơn giá tại Phụ lục số 04.

- Đối với các điểm trông giữ xe tại các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại hiện đại (có trang bị hệ thống giám sát, trông giữ xe thông minh: camera theo dõi, kiểm tra phương tiện người gửi; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hóa đơn tự động,...):

Giao chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính xây dựng và quyết định mức giá dịch vụ nhưng tối đa không quá 1,5 lần so với mức giá tại Phụ lục số 04.

- Đối với các điểm trông giữ xe tại các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại; bãi đỗ xe có mái che; bãi đỗ xe phải đầu tư xây dựng hạ tầng, phải nộp tiền thuê đất khác:

Giao chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/2/2014 của Bộ Tài chính xây dựng và quyết định mức giá dịch vụ nhưng tối đa không quá 1,2 lần so với mức giá tại Phụ lục số 04.

- Đối với các điểm trông giữ xe là các giàn trông giữ xe hiện đại, dịch vụ trông giữ xe tự động qua ứng dụng công nghệ thông minh:

Khi trên địa bàn tỉnh có phát sinh các điểm trông giữ xe trên, giao cho Sở Tài chính xây dựng mức giá dịch vụ trình UBND tỉnh quyết định bổ sung.

### 3. Quy định thời gian gửi xe, lượt gửi xe

#### a) Thời gian gửi xe

- Thời gian gửi xe ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ.
- Thời gian gửi xe ban đêm: từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ sáng ngày hôm sau.
- Thời gian gửi xe cả ngày, đêm: là thời gian trông giữ xe liên tục trên 13 giờ/ngày.

Nếu có thời gian gửi xe gởi từ ban đêm sang ban ngày (hoặc ngược lại) thì giá dịch vụ gửi xe được thu theo mức giá gửi ban đêm.

#### b) Lượt gửi xe:

Một lượt gửi xe đối với xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện) và xe máy là một lần xe vào, ra ở điểm trông giữ; một lượt gửi xe đối với xe ô tô tối đa là 180 phút, nếu gửi quá thời gian 180 phút thu thêm lượt tiếp theo, trường hợp gửi xe qua đêm (từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ sáng ngày hôm sau) tính bằng 2 lượt (ví dụ: Giá 01 lượt là 24.000 đồng/xe, giá gửi xe qua đêm là 24.000 đồng/xe/lượt x 2 = 48.000 đồng/xe).

c) Các điểm trông giữ xe phải thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ trông giữ xe."

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2019.

Bãi bỏ Phụ lục số 04 và phần ghi chú " Thời gian gửi ban ngày từ 6 giờ đến 22 giờ, gửi ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau; 1 lượt xe: là 1 lần xe vào và ra ở điểm trông giữ."; trong Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quy định giá dịch vụ trông giữ xe và chế độ quản lí, sử dụng tiền thu từ dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh).

**Điều 3.** Thủ trưởng các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Cục thuế Bắc Ninh; Kho bạc Nhà nước Bắc Ninh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh căn cứ Quyết định thi hành./

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT,KTTH, PVP; CVP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tử Quỳnh**

**Phụ lục số 04**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2019 về Quy định giá dịch vụ trông giữ xe và chế độ quản lý, sử dụng tiền thu từ dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh)

STT	Loại phương tiện	Đơn vị tính	Giá tối đa
<b>A</b>	<b>Xe đạp, xe máy</b>		
<b>I</b>	<b>Trông giữ ban ngày</b>		
1	Xe đạp(kể cả xe đạp điện, xe máy điện)	đ/xe/lượt	2.000
2	Xe xích lô	đ/xe/lượt	2.000
3	Mô tô, xe máy và xe tương tự	đ/xe/lượt	6.000
<b>II</b>	<b>Trông giữ ban đêm</b>		
1	Xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)	đ/xe/lượt	3.000
2	Xe xích lô	đ/xe/lượt	3.000
3	Mô tô, xe máy và xe tương tự	đ/xe/lượt	8.000
<b>III</b>	<b>Trông giữ cả ban ngày + ban đêm</b>		
1	Xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)	đ/xe/lượt	4.000
2	Xe xích lô	đ/xe/lượt	4.000
3	Mô tô, xe máy và xe tương tự	đ/xe/lượt	11.000
<b>IV</b>	<b>Trông giữ theo tháng</b>		
1	Xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)	đ/xe/tháng	36.000
2	Xe xích lô	đ/xe/tháng	36.000
3	Mô tô, xe máy và xe tương tự	đ/xe/tháng	60.000
<b>B</b>	<b>Xe ô tô</b>		
<b>I</b>	<b>Trông giữ ô tô theo lượt</b>		
1	Xe từ 9 chỗ ngồi trở xuống và xe có trọng tải 1,5 tấn trở xuống	đ/xe/lượt	24.000
2	Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải 1,6 tấn đến 10 tấn	đ/xe/lượt	36.000
3	Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải trên 10 tấn	đ/xe/lượt	60.000
<b>II</b>	<b>Trông giữ theo tháng</b>		
1	Xe từ 9 chỗ ngồi trở xuống và xe có trọng tải 1,5 tấn trở xuống	đ/xe/tháng	700.000
2	Xe từ 10 ghế ngồi đến 29 ghế ngồi và xe có trọng tải 1,6 tấn đến 10 tấn	đ/xe/tháng	1.000.000
3	Xe từ 30 ghế ngồi trở lên và xe có trọng tải trên 10 tấn	đ/xe/tháng	1.700.000